

Giám sát, kiểm soát dự án đầu tư xây dựng của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước

Monitoring and control of investment construction projects of inspection agencies and State audit

> **NGUYỄN QUỐC TOÀN¹, NGUYỄN TIẾN ĐẠT²**

¹ Khoa KT và QLXD, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

² Kiểm toán Nhà nước; Email: toannq@nuce.edu.vn

TÓM TẮT

Đầu tư xây dựng thường có ảnh hưởng, tác động nhiều mặt và có vai trò to lớn trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi quốc gia, mỗi địa phương. Trong những năm qua, ở Việt Nam, Nhà nước đã dành một tỷ trọng vốn rất lớn cho đầu tư xây dựng cơ bản để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, nâng cao mức sống của người dân, bình quân chiếm 25% - 30% GDP. Năm 2016, đầu tư cho xây dựng cơ bản là 1.071.516 tỷ đồng, chiếm 72,15% vốn đầu tư toàn xã hội. Giám sát, kiểm soát dự án đầu tư của các cơ quan thanh tra và kiểm toán Nhà nước là hoạt động và là công cụ quan trọng để các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với dự án. Bài viết phân tích vai trò của cơ quan thanh tra và kiểm toán Nhà nước, đồng thời chỉ ra một số hạn chế của các cơ quan này.

Từ khóa: Đầu tư xây dựng; vốn nhà nước; thanh tra; kiểm toán nhà nước; giám sát; kiểm soát

ABSTRACT

Construction investment often has multifaceted influences and plays a significant role in promoting socio-economic development in each country and each locality. In recent years, the Vietnamese government has spent a significant amount of money on construction projects to help with socioeconomic development, national security, and living standards, accounting for 25 percent to 30 percent of GDP. In 2016, investment in capital construction was VND 1,071,516 billion, accounting for 72.15% of total social investment. Monitoring and control of investment projects by state inspection and audit agencies is an activity and a crucial tool for state management agencies to perform the function of state management of projects. The article analyzes the role of the inspection agency and the State Audit and pointing out some limitations of these agencies.

Keywords: Construction investment; state capital; inspection; state audit; onitoring; control

1. HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỪ NGUỒN VỐN NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM

Tình trạng đầu tư dàn trải vẫn chưa có giải pháp khắc phục triệt để, năm 2010, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương phân bổ vốn ngân sách nhà nước (NSNN) cho tổng số 16.658 dự án (DA) với số vốn bình quân phân bổ cho DA là gần 7 tỷ đồng; vốn bình quân phân bổ cho DA nhóm A ở trung ương năm 2010 xấp xỉ 115 nghìn tỷ đồng. Đến năm 2011, quy mô trung bình một dự án đầu tư (DAĐT) là 11 tỷ đồng/DA; năm 2012 tăng lên là 17 tỷ đồng/DA. Tình trạng đầu tư phong trào, rập khuôn của nhiều ngành, địa phương vẫn diễn ra phổ biến và không thực sự chú trọng tới hiệu quả lợi thế so sánh của địa phương. Hiệu quả đầu tư vẫn còn thấp, thể hiện qua chỉ số ICOR vẫn tiếp tục tăng và ở mức cao. Để đánh giá hiệu quả đầu tư nói chung và đầu tư từ vốn nhà nước (VNN) nói riêng, nghiên cứu sử dụng chỉ số ICOR (Incremental Capital-Output Ratio) - tỷ lệ VĐT bỏ ra để tạo ra 1

đơn vị % gia tăng GDP. Hệ số ICOR càng cao thì hiệu quả đầu tư càng thấp và ngược lại.

Năm 2015, tăng trưởng kinh tế đã dần hồi phục, với tăng trưởng GDP đạt 6,68% - mức cao nhất kể từ năm 2008 đến nay, hiệu quả đầu tư đã có bước cải thiện, với ICOR giai đoạn 2011 - 2015 đạt 6,91, giảm so với giai đoạn 2006 - 2010 (là 6,96). Điều này có nghĩa là, nếu giai đoạn 2006 - 2010 Việt Nam cần 6,96 đồng vốn để tạo ra được 1 đồng sản lượng, thì giai đoạn 2011 - 2015 chỉ cần đầu tư 6,91 đồng. Rất đáng ghi nhận khi trong bối cảnh tổng VĐT toàn xã hội so với GDP giảm mạnh (còn khoảng 32,6% GDP vào năm 2015) thì tốc độ tăng trưởng vẫn duy trì ở mức hợp lý. Tuy nhiên, có thể thấy, ICOR của Việt Nam còn cao, hiệu quả đầu tư còn thấp so với nhiều nền kinh tế trong khu vực.

Nguyên nhân làm cho ICOR của Việt Nam cao một phần là do Việt Nam đang trong giai đoạn tập trung đầu tư cho hạ tầng cơ sở,

bao gồm cả hạ tầng cơ sở ở vùng sâu, vùng xa và đầu tư cho xoá đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội. Nhưng mặt chủ quan vẫn là cơ chế quản lý ĐTXD lỏng lẻo, quy hoạch đầu tư chưa hợp lý, giám sát, kiểm soát quá trình đầu tư không hiệu quả, lãng phí nghiêm trọng, ... Chính vì vậy, so với các quốc gia khác đã trải qua giai đoạn phát triển tương đồng như Việt Nam thì hệ số ICOR của Việt Nam hiện nay vẫn ở ngưỡng cao.

Điều này cho thấy tăng trưởng kinh tế còn phụ thuộc nhiều vào vốn đầu tư (VĐT), phần đóng góp của các nhân tố khác (lao động, công nghệ, tài nguyên...) đến tăng trưởng còn thấp. Ngoài ra, đầu tư từ NSNN trong thời gian qua cũng chưa thật sự tập trung, đầu tư còn dàn trải, công tác quy hoạch còn nhiều yếu kém, dẫn đến hiệu quả đầu tư chưa đạt được các kết quả mong muốn. Mặt khác, đầu tư tư nhân chưa tạo ra nhiều giá trị gia tăng, chủ yếu là thực hiện hợp đồng gia công, tính cạnh tranh sản phẩm còn thấp.

Bảng 1: Các chỉ tiêu giám sát nợ công giai đoạn 2010 - 2019 (%)

Năm	Nợ công so với GDP	Nợ Chính phủ so với GDP	Nợ nước ngoài của quốc gia so với GDP
2010	56,3	44,6	42,2
2011	54,9	43,2	41,5
2012	50,8	39,4	37,4
2013	54,5	42,6	37,4
2014	58,0	42,6	37,4
2015	61,0	49,2	42,0
2016	63,6	52,6	44,7
2017	62,5	51,8	45,2
2018	58,4	50,0	46,0
2019	56,1	49,2	45,8
Tầm nhìn 2030	60,0	50,0	45,0

(Nguồn: [10])

Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới, với tổng nhu cầu VĐT toàn xã hội cho cả giai đoạn 5 năm 2016 - 2020 lên tới gần 10.600.000 tỷ đồng, bằng khoảng 32%-34% GDP. Phải huy động được nguồn vốn này, Việt Nam mới có thể đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế 6,5-7% và thực hiện khâu đột phá về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, trong đó tập trung vào hệ thống giao thông, hạ tầng đô thị lớn. Huy động vốn đã khó, nhất là trong bối cảnh ngân sách thâm hụt, bội chi lớn, không đủ để chi thường xuyên và trả nợ, còn nợ công đang tăng nhanh (bảng 1 và hình 1), áp lực trả nợ lớn, càng đòi hỏi phải sử dụng hiệu quả từng đồng VNĐ, làm giảm ICOR, đồng thời gia tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác giám sát, kiểm soát đầu tư nói chung, đầu tư xây dựng nói riêng từ nguồn vốn nhà nước càng trở lên cấp thiết, trong đó cơ quan thanh tra và kiểm toán nhà nước có vai trò đặc biệt quan trọng.

2. KHÁI NIỆM VÀ MỤC TIÊU CỦA GIÁM SÁT DỰ ÁN

Theo quy định tại các văn bản pháp quy thì "Giám sát đầu tư" được hiểu là hoạt động theo dõi, kiểm tra đầu tư; "Theo dõi chương trình, dự án đầu tư" là hoạt động thường xuyên và định kỳ cập nhật các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện DA; tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin, đề xuất các phương án phục vụ việc ra quyết định của các cấp quản lý nhằm đảm bảo DAĐT thực hiện đúng mục tiêu, đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng và trong khuôn khổ các nguồn lực đã được xác định; "Kiểm tra chương trình, dự án đầu tư" là hoạt động định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất, nhằm kiểm tra việc chấp hành quy định về quản lý DA của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; phát hiện kịp thời những sai sót, yếu kém về QLDA theo quy định pháp luật; kiến

ngợi các cấp có thẩm quyền xử lý những vướng mắc, phát sinh, việc làm sai quy định về QLDA; Giám sát việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện [5, 6].

Như vậy, có thể hiểu giám sát DAĐT là một hoạt động quản lý của cơ quan QLNN đối với hoạt động đầu tư xây dựng, **bao gồm việc theo dõi, kiểm tra thường xuyên và liên tục để đảm bảo đạt mục tiêu quản lý**. Giám sát tập hợp và cung cấp thông tin một cách có hệ thống dựa trên các tiêu chí và chỉ tiêu cụ thể về đối tượng quản lý, sự tiến triển trong thực hiện mục tiêu quản lý, làm cơ sở cho hoạt động quản lý, để chủ thể quản lý ra quyết định hoặc điều chỉnh quyết định [21].

3. GIÁM SÁT, KIỂM SOÁT DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC CỦA CƠ QUAN THANH TRA

Các cơ quan có tính chất chuyên nghiệp trong giám sát, kiểm soát đầu tư xây dựng bằng nguồn VNN bao gồm hệ thống thanh tra nhà nước (thanh tra Chính phủ, thanh tra chuyên ngành). Ưu điểm nổi bật của hệ thống này so với hệ thống dân cử là đội ngũ nhân sự được đào tạo chuyên môn chuyên sâu về kỹ thuật, kinh tế, luật... ngoài ra được đào tạo về nghiệp vụ thanh tra, kiểm toán, được cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định pháp luật và quy chế ngành. Trong hệ thống giám sát, kiểm soát DA đầu tư xây dựng bằng VNN, vai trò của cơ quan thanh tra các cấp rất quan trọng, là lực lượng chính giám sát, kiểm soát các hoạt động đầu tư nói chung, đầu tư xây dựng nói riêng từ nguồn VNN.

Thanh tra nhà nước bao gồm thanh tra Chính phủ vừa là cơ quan ngang bộ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước (QLNN) về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, vừa là cơ quan giúp Chính phủ, TTCP thanh tra những vấn đề thuộc phạm vi quản lý của Chính phủ, TTCP. Ở địa phương có thanh tra cấp tỉnh, thành phố giúp UBND cấp tỉnh, thành phố giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng thuộc phạm vi cấp địa phương [15].

Thanh tra Bộ ngành Trung ương, thanh tra Sở cấp địa phương thực hiện các hoạt động thanh tra liên quan đến việc tuân thủ pháp luật, Luật phòng, chống tham nhũng yêu cầu người đứng đầu cơ quan và tổ chức của Chính phủ thường xuyên tổ chức thanh kiểm tra nội bộ và nếu có vi phạm, thực hiện các biện pháp cần thiết trong đó bao gồm giải quyết thường hợp tham nhũng theo quyền hạn của tổ chức và thông báo cho cơ quan điều tra.

Những quy định mới của Luật Thanh tra (2010) làm cho hoạt động thanh tra từ chỗ chú trọng phòng ngừa, phát hiện sai phạm, kiến nghị xử lý đã từng bước chuyển sang hoạt động mang tính đồng hành, giúp đỡ và chia sẻ cùng cơ quan, đơn vị, cá nhân là đối tượng thanh tra; khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong việc chấp hành pháp luật chuyên ngành; tìm ra những điều bất hợp lý, những quy định khó thực hiện kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoàn thiện các quy phạm pháp luật để hoạt động thanh tra nói chung, thanh tra chuyên ngành nói riêng ngày càng mang lại hiệu quả thiết thực hơn.

3.1. Giám sát, kiểm soát dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước của thanh tra Nhà nước tại các Bộ, ngành Trung ương

Tại các DAĐT ở các cơ quan Trung ương tồn tại rất nhiều vi phạm, từ khâu chuẩn bị đầu tư, thực hiện DA đến khâu xác định nguồn vốn, phân bổ nguồn vốn đối với các DA, các công trình. Những vi phạm này chứng tỏ hoạt động quản lý đầu tư nói chung, giám sát, kiểm soát đầu tư tại các Bộ, ngành Trung ương còn nhiều hạn chế cần được hoàn thiện, khắc phục. Năm 2015, qua thanh tra (với 96 đoàn thanh tra để tiến hành thanh tra tại 444 dự án công trình, kiểm tra 194 dự án có tổng mức đầu tư là 357.330 tỷ đồng tại 15 Bộ, ngành Trung ương) đã kết luận những thiếu sót vi phạm từ

khâu chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án đến khâu xác định nguồn vốn, phân bổ vốn đối với các công trình, dự án [17].

- Công tác khảo sát, lập dự án đầu tư còn sơ sài, thiếu chính xác, chưa phản ánh đúng thực tế địa hình, địa chất công trình dẫn tới phải điều chỉnh, bổ sung trong quá trình thực hiện dự án làm tổng mức đầu tư của dự án thay đổi. Chủ đầu tư (CĐT) chưa xác định rõ về quy mô, công năng sử dụng và thời gian thực hiện dự án ngay từ khi lập dự án nên khi triển khai thực hiện phải phê duyệt lại quy mô dự án vì không phù hợp, phải điều chỉnh thiết kế hoặc thay đổi toàn bộ thiết kế (có dự án không sử dụng thiết kế phê duyệt lần đầu), có dự án phê duyệt chưa phù hợp phải điều chỉnh theo quy hoạch của các vùng miền. Theo đề nghị của các tỉnh, thành phố, việc lập tổng mức đầu tư của dự án không chính xác (thường là nhỏ hơn) dẫn tới thẩm quyền quyết định đầu tư không đúng, cụ thể như:

+ Do còn có những tồn tại, thiếu sót ở khâu chuẩn bị đầu tư nên giá trị của dự án phải bổ sung tăng so với quyết định phê duyệt ban đầu là 21.316 tỷ đồng; bổ sung giá trị các hạng mục thiếu trong thiết kế là 11.533 tỷ đồng; trượt giá tăng do thời gian thực hiện dự án thay đổi, kéo dài làm tăng giá trị vật liệu... là 27.887 tỷ đồng;

+ Phê duyệt dự án chưa hoặc không nằm trong quy hoạch: có bộ có tới 12 dự án chưa có trong quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và có 09 dự án không nằm trong quy hoạch nhưng vẫn được phê duyệt, triển khai thi công với tổng mức đầu tư là 14.638 tỷ đồng, gây nợ đọng xây dựng cơ bản tổng số tiền là 673 tỷ đồng; có Bộ còn một số dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa được Bộ thẩm tra, phê duyệt quyết toán;

+ Nhiều dự án thiết kế xong không sử dụng, có dự án do thiết kế không sử dụng được phải thay đổi hoàn toàn gây lãng phí 60,5 tỷ đồng; nhiều dự án do lập tổng mức đầu tư chưa chính xác nên phải thay đổi nhiều lần (có dự án thay đổi tới 04 lần), có dự án do lập dự án chưa chính xác phải loại bỏ tới 192,8 tỷ đồng;

+ Có 09 dự án xây dựng trường học ở 01 Bộ được CĐT phê duyệt nhưng không có vốn đối ứng với tổng số tiền là 68,47 tỷ đồng dẫn tới dự án dở dang không đưa vào sử dụng được; có Bộ CĐT chưa thu hồi nợ ngân sách nhà nước khoản tạm ứng trước cho nhà thầu tại các dự án bị đình hoãn với tổng số tiền là 521,353 tỷ đồng.

- Các cơ quan quản lý chuyên ngành không quản lý chặt chẽ thiết kế cơ sở (TKCS), dẫn đến nhiều dự án đã được phê duyệt nhưng TKCS không phù hợp, phải thay đổi tổng mức đầu tư, phát sinh tăng chi phí xây dựng gây lãng phí lớn; nhiều dự án TKCS thiếu chính xác, dẫn tới thiết kế thi công không thực hiện được, phải thiết kế lại làm chậm thời gian hoàn thành dự án và nhiều dự án do chậm bàn giao mặt bằng, chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng còn bất cập cùng với sự thay đổi đơn giá tiền lương, ca máy thiết bị, vật liệu... dẫn tới tăng tổng mức đầu tư (có Bộ tổng mức đầu tư phải điều chỉnh do thiết bị không phù hợp 94,8 tỷ đồng; tự bổ sung các hạng mục, dự án không đúng với quyết định phê duyệt 198 tỷ đồng; cơ quan tư vấn thiết kế tính toán sai suất đầu tư 2.154 tỷ đồng; thay đổi về quy mô dự án không đúng với quyết định phê duyệt làm tăng tổng mức đầu tư 25.767 tỷ đồng);

- Phê duyệt dự án khi chưa xác định rõ nguồn vốn, cấp công trình, thời gian thực hiện dự án trong khi có nhiều dự án đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa được quyết toán theo quy định (có Bộ còn 99 dự án đã đưa vào khai thác nhưng chưa quyết toán với tổng số tiền là 102.729,37 tỷ đồng và 16 dự án đã hoàn thành đưa vào khai thác từ nhiều năm nhưng chưa quyết toán được do mất, không đủ hồ sơ với tổng giá trị thực hiện là 7.194,608 tỷ đồng).

- Việc lựa chọn một số nhà thầu tư vấn khảo sát, thiết kế thi công chưa tốt, nhà thầu xây lắp năng lực kém, dẫn tới phải điều chỉnh nhiều lần làm tăng tổng mức đầu tư. Khi triển khai thi công chậm bàn giao mặt bằng, dẫn đến thời gian thực hiện dự án kéo dài, chi phí phát sinh tăng làm tăng tổng mức đầu tư, phá vỡ kế hoạch vốn ban đầu gây phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản: có bộ còn 34 dự án phải điều chỉnh thiết kế, thời gian xây dựng kéo dài, VĐT chưa được giải ngân theo đúng kế hoạch, phải thay đổi tổng mức đầu tư, cơ cấu VĐT, 05 dự án phải dừng thi công gây lãng phí vốn.

- Thời gian thực hiện dự án còn kéo dài (có dự án nhóm C kéo dài tới 10 năm, nhóm B kéo dài tới 15 năm); trong khi theo quy định dự án nhóm C phải hoàn thành trong 3 năm, dự án nhóm B phải hoàn thành trong 5 năm (các Bộ, ngành có tổng số 165 dự án chậm kéo dài thời gian thực hiện).

- Còn có những dự án không được cấp và cấp không đủ theo kế hoạch vốn được phê duyệt dẫn đến dự án phải kéo dài gây lãng phí VĐT (có bộ còn tới 15 dự án không được cấp hoặc không cấp đủ vốn theo kế hoạch với tổng số tiền là 165,2 tỷ đồng).

Qua đó, TTCP đã kiến nghị xử lý về kinh tế là 4.763,200 tỷ đồng; trong đó, kiến nghị thu hồi về ngân sách nhà nước là 1.122,012 tỷ đồng, giảm trừ khi thanh quyết toán là 1.425,016 tỷ đồng và kiến nghị xử lý khác là 2.216,200 tỷ đồng [4].

3.2. Giám sát, kiểm soát dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước của thanh tra Nhà nước tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương đã thành lập 644 đoàn thanh tra (*thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là 158 đoàn, thanh tra cấp huyện là 419 đoàn, các sở, ngành là 67 đoàn*) tiến hành thanh tra 12.546 dự án, công trình với tổng mức đầu tư là 144.872,953 tỷ đồng và 63/63 tỉnh, thành phố có báo cáo kết quả thanh tra chuyên đề diện rộng gửi về Thanh tra Chính phủ. Các thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra như:

- Chất lượng công tác CBĐT còn thấp, các dự án đầu tư phải điều chỉnh nhiều lần, tổng mức đầu tư phải điều chỉnh nhiều lần, tiến độ thực hiện dự án chậm làm phát sinh tăng tổng mức đầu tư; cụ thể:

+ CĐT chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định hiện hành về quản lý ĐTXD như: CTĐT, chủ trương điều chỉnh dự án, lập, trình, phê duyệt các thủ tục theo quy định;

+ Công tác tư vấn xây dựng còn nhiều bất cập, năng lực chuyên môn còn hạn chế, hồ sơ dự án thiết kế - dự toán chất lượng còn thấp, dự báo chưa đầy đủ chuẩn xác dẫn đến một số dự án còn phải điều chỉnh, bổ sung quy mô tổng mức đầu tư gây khó khăn trong quá trình thực hiện và làm chậm tiến độ xây dựng dự án công trình: đơn vị khảo sát thiết kế lập dự án khả thi (hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật) khi khảo sát tính toán chưa tính đúng, tính đủ các yếu tố lạm phát, trượt giá vật tư, hệ số nhân công, ca máy, bồi thường giải phóng mặt bằng, xem xét đầy đủ CSHT, công năng sử dụng thiết bị, phụ trợ đi kèm sau khi công trình đưa vào sử dụng dẫn đến trong quá trình thi công phải bổ sung, xử lý kỹ thuật nhiều hạng mục cần thiết thì dự án hoàn thành mới đưa vào khai thác sử dụng đồng bộ...;

+ Công tác thẩm định, thẩm tra hồ sơ chưa đầy đủ, còn thiếu sót do lập sai khối lượng, đơn giá thiết kế dự toán mà cơ quan thẩm tra, thẩm định chưa phát hiện được dẫn đến làm tăng tổng mức đầu tư; nội dung thẩm định dự án đầu tư ở một số công trình chưa xem xét đến các yêu tố như: nhu cầu sử dụng đất, khả năng giải phóng mặt bằng, khả năng huy động, hoàn trả vốn, kinh nghiệm quản lý của CĐT; đơn vị thẩm tra thiết kế bản vẽ - dự toán

chưa kịp thời phát hiện những thiếu sót của đơn vị tư vấn khảo sát, lập dự án dẫn đến phải điều chỉnh dự án đầu tư.

- Phê duyệt đầu tư, phân bổ kế hoạch vốn hàng năm vẫn còn dàn trải, thiếu tập trung nhất là đối với cấp huyện, xã; vốn giải ngân các tháng đầu năm còn thấp, chủ yếu tập trung vào các tháng cuối năm; phân bổ kế hoạch vốn chưa đảm bảo thứ tự ưu tiên; phê duyệt một số dự án vượt khả năng cân đối vốn, không rõ nguồn vốn, không thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

- Phê duyệt, điều chỉnh tổng mức đầu tư chưa đảm bảo, chưa chính xác do công tác khảo sát không sát với thực tế, phải điều chỉnh đơn giá tiền lương, tiền công, giá nguyên vật liệu, chi phí dự phòng không được tính đúng, tính đủ dẫn đến nhiều dự án phải điều chỉnh tổng mức đầu tư.

- Chưa đảm bảo xử lý nợ đọng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ (ngày 20/5 hàng năm phải xử lý được 30% nợ đọng xây dựng cơ bản).

- Một số công trình, dự án có khối lượng thi công vượt kế hoạch vốn được bố trí hoặc chưa được bố trí vốn nhưng vẫn triển khai thực hiện là vi phạm quy định tại Điểm đ, Khoản 3, Mục I, Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ "từ năm 2012 tất cả các dự án đã được quyết định đầu tư phải thực hiện theo mức vốn kế hoạch được giao để không gây nên nợ đọng xây dựng cơ bản" [20], có tình đa số các dự án do UBND huyện, thành phố quyết định đầu tư từ năm 2012 chưa được ghi vốn trong kế hoạch nhưng vẫn được triển khai thực hiện, gây nợ đọng xây dựng cơ bản ...

- Tại một số tỉnh, việc phân bổ vốn đối ứng cho các dự án sử dụng nguồn vốn ODA chưa kịp thời, nhu cầu vốn đối ứng để thực hiện dự án theo cam kết với nhà tài trợ là rất lớn trong khi ngân sách địa phương quá hạn hẹp do đó không thể bố trí đủ vốn đối ứng theo trách nhiệm và tỷ lệ quy định tại Quyết định số 60/2001/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ [19].

- Còn tình trạng dự án chưa bố trí vốn vẫn tổ chức lựa chọn nhà thầu là vi phạm quy định tại Điểm đ, Khoản 1, Mục II, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ [18] và để nhà thầu ứng vốn thi công gây phát sinh nợ đọng là chưa thực hiện đúng quy định tại Điểm d, Khoản 1, Mục II, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ (14 dự án tại 01 tỉnh có nợ đọng là 28,544 tỷ đồng và có tình CĐT yêu cầu nhà thầu ứng vốn thi công 58 dự án với số vốn ứng là 193,643 tỷ đồng...); có CĐT tại 02 tỉnh lại cho nhà thầu tạm ứng vốn nhưng không thực hiện hợp đồng đến nay chưa thu hồi nợ về ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 16,8 tỷ đồng.

- Nhiều công trình đã nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng không bố trí vốn (tại 02 tỉnh với 96 dự án thiếu vốn là 241,096 tỷ đồng...) là chưa thực hiện đúng quy định tại Điểm b, Khoản 1, Mục II, Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Điểm c, Khoản 1, Mục 2, Công văn số 7356/BKHĐT-TH ngày 28/10/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư "ưu tiên bố trí đủ vốn đối với các dự án, công trình đã nghiệm thu, hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng" [2].

Một số tỉnh, thành phố chưa bố trí đủ vốn cho các dự án, công trình đã hoàn thành, bàn giao và dự án đang thi công dở dang nhưng vẫn khởi công các công trình mới dẫn đến nợ đọng xây dựng cơ bản, trái với Điểm d, Khoản 3, Mục I, Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ [20] (có tình tính đến 31/12/2011 còn 599 công trình, dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng và dự án đang thi công dở dang với tổng số vốn còn phải bố trí là 9.147,11 tỷ đồng trong năm 2012, 2013 vẫn quyết định phê duyệt 347 dự án với tổng mức đầu tư là 6.943,22 tỷ đồng là nguyên nhân dẫn đến nợ đọng xây dựng cơ bản; có tình

đa số các công trình do UBND huyện, thành phố quyết định đầu tư từ năm 2012 chưa được ghi vốn trong kế hoạch nhưng vẫn được triển khai thực hiện gây nợ đọng xây dựng cơ bản).

- Qua thanh tra phát hiện các sai phạm về lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh dự án tại 789 dự án với tổng số tiền sai phạm là 280,019 tỷ đồng; sai phạm về lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư tại 272 dự án với tổng số tiền sai phạm là 248,058 tỷ đồng; sai phạm về nợ đọng xây dựng cơ bản tại 1.527 dự án với tổng số tiền là 1.869,825 tỷ đồng và sai phạm khác ở 2.324 dự án với tổng số tiền là 791,664 tỷ đồng.

- Cơ quan thanh tra các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành kết luận và kiến nghị xử lý về kinh tế tổng số tiền là 3.189,565 tỷ đồng, trong đó: thu hồi về ngân sách nhà nước là 123,633 tỷ đồng; giảm trừ giá trị thanh quyết toán là 128,638 tỷ đồng và xử lý khác là 2.937,294 tỷ đồng.

- Kiến nghị xử lý hành chính: kiểm điểm rút kinh nghiệm và có hình thức kỷ luật đối với 240 tập thể và 197 cá nhân; kiến nghị chuyển công điều tra 01 vụ việc.

3.3. Giám sát, kiểm soát dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước của thanh tra Bộ Xây dựng

Năm 2018, Thanh tra Bộ Xây dựng đã triển khai 04 đoàn kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra tại 05 đơn vị; ban hành văn bản đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra; qua kiểm tra và báo cáo các đơn vị đã tổ chức kiểm điểm xử lý trách nhiệm đối với 87 tập thể và không xem xét khen thưởng đối với 50 cá nhân; kỷ luật, điều chuyển vị trí công tác không cho đảm nhận chức vụ cũ với 06 cá nhân có vi phạm theo kết luận thanh tra; thực hiện trên 110 kiến nghị khác được nêu trong kết luận thanh tra về công tác quy hoạch, quản lý dự án đầu tư xây dựng... Thanh tra Bộ đã thực hiện kiến nghị xử lý về kinh tế tổng tiền 149,1 tỷ đồng; thực hiện xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả bổ sung tổng số tiền 18,9 tỷ đồng. Đã triển khai hoàn thành và thực hiện giám sát đầy đủ 93 đoàn thanh tra trong năm 2018; Ban hành 72 kết luận Thanh tra, kiến nghị xử lý hành chính đối với 155 tập thể và 235 cá nhân để xảy ra vi phạm, kiến nghị xử lý về kinh tế tổng số tiền 927,5 tỷ đồng, xử phạt 178 đơn vị và yêu cầu áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả bổ sung số tiền 25,4 tỷ đồng [16].

3.4. Một số cản trở hoạt động thanh tra

Thanh tra luôn gắn liền với QLNN, trong mối quan hệ giữa quản lý và thanh tra thì QLNN giữ vai trò chủ đạo, chi phối hoạt động của thanh tra. Xét về cơ cấu, chức năng của quản lý thì thanh tra chỉ là những công cụ, phương tiện để QLNN. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thanh tra chịu sự tác động rất lớn về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, hạn chế tính độc lập thể hiện ở những mặt sau [1, 3, 7]:

- Cơ quan thanh tra được xác định là cơ quan chuyên môn, là một bộ phận cấu thành của bộ máy hành chính.

- Các cơ quan thanh tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra trong phạm vi QLNN của cơ quan QLNN cùng cấp, đối tượng, nội dung thanh tra rộng hay hẹp phụ thuộc vào nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước.

Theo đánh giá của WB, hệ thống thanh tra Việt Nam thiếu chủ động và bất cập trong việc phát huy vai trò của mình. Khảo sát định lượng cho thấy 83% số người trả lời đồng ý với đáp án "hầu hết các vụ việc tham nhũng không được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra hay giám sát của các cơ quan nhà nước mà được phát hiện thông qua cá nhân và phương tiện thông tin đại chúng" [23].

- Kiến nghị thanh tra nhìn chung còn chậm, chưa thực hiện triệt để, tỷ lệ thu hồi sau thanh tra đạt thấp. Thanh tra trách nhiệm triển khai nhiều, nhưng hiệu quả chưa cao, sự tác động và chuyển biến sau thanh tra còn chậm.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ chưa được quan tâm đúng mức.

4. GIÁM SÁT, KIỂM SOÁT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Luật Kiểm toán nhà nước được Quốc hội khoá 13, ban hành ngày 24 tháng 06 năm 2015, đây là văn bản pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất hiện nay quy định về tổ chức và hoạt động của kiểm toán Nhà nước (KTNN) [12]. Địa vị pháp lý của KTNN đã được nâng cao phù hợp hơn với vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ "là cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kiểm tra tài chính nhà nước do Quốc hội thành lập, hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật"; quy định đầy đủ hơn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của KTNN; quy định về thẩm quyền và quy trình bổ nhiệm đối với Tổng KTNN để bảo đảm tính độc lập, khách quan.

Luật Kiểm toán nhà nước 2015 đã quy định KTNN là cơ quan chuyên môn về kiểm tra tài chính nhà nước do Quốc hội thành lập với mô hình hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật [12]. Luật Kiểm toán Nhà nước sẽ nâng cao vai trò và trách nhiệm của KTNN và tạo cầu nối chặt chẽ với Luật Kế toán 2015 (Luật số 88/2015/QH13, ngày 20 tháng 11 năm 2015) [13]. Đây là bước chuyển biến quan trọng làm thay đổi nội dung giám sát ngân sách thuộc thẩm quyền của Quốc hội và HĐND. Mặc dù vậy, vấn đề tính minh bạch đến nay vẫn chưa được đảm bảo bằng một thể chế rõ ràng. Điều 7 - Luật KTNN quy định "Báo cáo kiểm toán là một trong những căn cứ để HĐND sử dụng trong quá trình xem xét, quyết định dự toán, phân bổ và giám sát ngân sách địa phương; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương"... Điều 50 Luật Kiểm toán Nhà nước quy định: "Báo cáo kiểm toán sau khi phát hành được công bố công khai, trừ những nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật" và điều 51 Luật Kiểm toán Nhà nước quy định: "Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm và báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN sau khi báo cáo Quốc hội được công bố công khai theo quy định của pháp luật" [12]. Thực hiện những quy định của pháp luật về việc công khai kết quả kiểm toán trong thời gian qua tuy đã có những tiến bộ bước đầu theo hướng cởi mở hơn, minh bạch hơn. Tuy nhiên, cho đến nay những quy định của pháp luật về vấn đề này còn quá chung, thiếu cụ thể, đặc biệt là chưa quy định rõ về nội dung công khai, quy trình, thủ tục công khai. Khoản 2 điều 50 Luật Kiểm toán Nhà nước có quy định ba hình thức công khai báo cáo kết quả kiểm toán (Hợp báo; Công bố trên Công báo và phương tiện thông tin đại chúng; Đăng tải trên trang thông tin điện tử và các ấn phẩm của KTNN; Niêm yết tại trụ sở của đơn vị được kiểm toán) nhưng trong thực tế việc tiếp cận thông tin về công bố kết luận kiểm toán rất hạn chế, trên trang website của KTNN có nhưng không đầy đủ. Những tổ chức, cá nhân muốn tiếp cận các tài liệu chi tiết của kiểm toán cũng chưa có quy định hay hướng dẫn.

Theo Luật Ngân sách Nhà nước, KTNN là công cụ để kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc quản lý, sử dụng ngân sách, tiền và tài sản của Nhà nước [14]. Cơ quan này đảm nhận việc kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động của các đơn vị thụ hưởng ngân sách; thực hiện kiểm tra và giám sát tài chính công. Hoạt động của cơ quan KTNN sẽ tác động đến các đơn vị sử dụng ngân sách, buộc các đơn vị này phải sử dụng ngân sách theo đúng chế độ, định mức, tiêu chuẩn nhà nước đã quy định, khuyến khích sử dụng nguồn lực nhà nước đạt kết quả cao, chống lãng phí, tham nhũng, tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách. Cơ quan KTNN có trách nhiệm kiểm toán tính đúng đắn, hợp pháp của các số liệu báo cáo quyết toán của các cấp ngân sách; kiểm toán hoạt

động để xác nhận tính hiệu quả trong quản lý và điều hành ngân sách và báo cáo kết quả kiểm toán với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Kiểm toán báo cáo quyết toán phải thực hiện trước khi Quốc hội hoặc HĐND phê chuẩn tổng quyết toán, trường hợp kiểm toán sau chỉ được thực hiện khi Quốc hội hoặc HĐND có yêu cầu. Báo cáo kết quả kiểm toán được công bố công khai.

Thông qua hoạt động kiểm toán đầu tư xây dựng bằng VNN ở cả Trung ương và địa phương trong thời gian qua, đã chỉ ra nhiều tồn tại trong công tác QLĐT như:

- DA chậm tiến độ còn phổ biến;
- Quy hoạch chưa được phê duyệt, phê duyệt quy hoạch chưa được đảm bảo về thời gian (Yên Bái, Bình Định, Quảng Nam, ...);
- DA phải điều chỉnh nhiều lần: DAXD đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai, DAXD cầu Nhật Tân và đường 2 đầu cầu; DAXD đường Hồ Chí Minh, DA đường cao tốc Hà Nội-Hải Phòng, DA đường sắt Cát Linh - Hà Đông ...
- Nhiều DA không đảm bảo trình tự thủ tục đầu tư: DA Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1, DA đường tránh thị trấn Thới Bình và DAXD kết cấu hạ tầng đường Lý Văn Lâm (Cà Mau),...
- Nhiều DA phê duyệt khi chưa xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn: DA nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A đoạn nam cầu Bến Thủy-tuyến tránh TP Hà Tĩnh (BOT); DA Thủy lợi, thủy điện Quảng Trị,...
- Nhiều DA chất lượng khảo sát, thiết kế chưa đảm bảo, hồ sơ khảo sát không đảm bảo đúng quy định; thiết kế, lập dự toán không đảm bảo, thiếu chính xác
- Một bằng chứng điển hình cho các vụ việc được KTNN phát hiện, đó là Dự án xây dựng đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (do Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC) làm chủ đầu tư với mức đầu tư gần 9.000 tỷ đồng) [22].
- Theo KTNN, tại công trình này sai từ công tác khảo sát đến lập dự án, cụ thể, việc lập đề cương khảo sát không có nội dung thủy văn, thay vào đó lại sử dụng số liệu điều tra, tính toán thủy văn của một số dự án tương tự.
- Công tác khảo sát địa chất công trình cũng không khoan bổ sung khi gặp nền đất yếu theo quy định của Tiêu chuẩn 22TCN 263-2000, chưa đề xuất được phương án tối ưu theo quy định ở công tác lập thiết kế cơ sở nên phải thay đổi hướng tuyến 2 lần. Không những vậy, công tác khảo sát bước lập dự án và việc lựa chọn phương án thiết kế ban đầu chưa tối ưu đã dẫn đến việc điều chỉnh tổng mức đầu tư 2 lần từ 3.734 tỷ đồng lên 8.974 tỷ đồng.
- KTNN cũng chỉ rõ, việc khảo sát, thiết kế, lập và duyệt dự án cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình áp dụng định mức hạng mục "Giếng cát đường kính D400 mm" là không đúng quy định, do đó, ảnh hưởng rất lớn đến giá dự toán và giá gói thầu. Việc dự án bóc tách sai khối lượng so với khối lượng trên hồ sơ thiết kế kỹ thuật làm tăng giá trị dự toán công trình trên 1,7 tỷ đồng và việc áp dụng sai hệ số quy đổi đất đắp tại công trình dẫn tới làm tăng giá trị dự toán trên 1,6 tỷ đồng. Theo tính toán của KTNN sai lệch trong công tác dự toán so với tổng dự toán tính đúng của các gói thầu được duyệt là hơn 300 tỉ đồng.
- Theo KTNN, lỗi chậm xây dựng công bố định mức giếng cát thuộc về Bộ Xây dựng, sai sót trong quá trình thẩm định và phê duyệt dự toán thuộc về Bộ GTVT, còn VEC phải chịu trách nhiệm việc quản lý vốn không chặt chẽ.
- Ngoài ra, KTNN cũng phát hiện nhiều mẫu bê tông nhựa và thành phần hạt của các lớp kết cấu không đạt yêu cầu, độ bằng phẳng ngang mặt đường cũng không đạt yêu cầu kỹ thuật dự án.
- Từ những sai phạm trên, KTNN đã yêu cầu VEC giảm trừ chi phí đầu tư thực hiện đến tháng 6/2013 trên 346 tỉ đồng, phải khẩn trương thu hồi số tiền tạm ứng chưa thu hồi hết theo quy định của

hợp đồng là 30 tỉ đồng; mở rộng phạm vi kiểm định đối với những chỉ tiêu có sai sót: thành phần hạt của các lớp cấp phối đá dăm và các lớp bê-tông nhựa... Và VEC cũng phải kiểm điểm và làm rõ trách nhiệm cá nhân, tập thể trước những vấn đề mà KTNN nêu và là rõ trách nhiệm của BQL dự án, tư vấn giám sát.

Đồng thời, cũng đề nghị Bộ GTVT kiểm điểm và xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan của Bộ trong quá trình thẩm định và phê duyệt dự toán các gói thầu.

Tuy nhiên, trong hoạt động, KTNN vẫn còn tồn tại một số hạn chế [3, 8, 11]:

- Phương pháp kiểm toán vẫn chủ yếu dựa vào báo cáo tài chính và kiểm toán tuân thủ mà chưa chú trọng đến nội dung của kiểm toán hoạt động, đồng thời chưa quan tâm kiểm toán nhằm đáp ứng mục tiêu của quản lý dự án; Chưa thực hiện kiểm toán điều tra trong quá trình kiểm toán;

- Mặc dù Luật Kiểm toán nhà nước đã quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan KTNN, tuy nhiên thực tế quá trình thực hiện cho thấy thiếu chế tài xử phạt đối với các đơn vị không thực hiện kiến nghị kiểm toán đã làm hạn chế hiệu quả công tác này, KTNN chỉ có thể kiến nghị lên các cơ quan có chức năng xem xét.

- Một số kiến nghị của KTNN đúng với quy định của pháp luật nhưng do cơ chế, chính sách có những vướng mắc, bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn nên tính khả thi các kiến nghị không cao.

- Luật Kiểm toán nhà nước chưa có quy định cụ thể về mối quan hệ giữa KTNN với HĐND, UBND các cấp, thanh tra nhà nước và một số cơ quan chức năng liên quan. Còn tồn tại sự chông chéo trong kết luận, kiến nghị xử lý giữa các Đoàn Thanh tra, Đoàn Kiểm toán.

- Nguồn nhân lực kiểm toán hạn chế;

5. KẾT LUẬN

Có thể thấy, những năm qua hoạt động của cơ quan thanh tra các cấp và KTNN đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng trong đầu tư công nói chung, đầu tư xây dựng nói riêng. Thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán, cơ quan Thanh tra và Kiểm toán Nhà nước cung cấp thông tin quan trọng và đáng tin cậy cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, các đơn vị, các nhà đầu tư và công chúng, nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành hành thu, chi NSNN và sử dụng nguồn tài chính và tài sản công hợp lý, hiệu quả; góp phần thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí, phát hiện và ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật; nâng cao hiệu quả sử dụng Ngân sách, tiền và tài sản của Nhà nước; phục vụ đắc lực cho hoạt động của Quốc hội, HĐND, UBND các cấp trong việc thực hiện chức năng giám sát và quyết định những vấn đề quan trọng của quốc gia và các địa phương.

Hiện nay, trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, các văn bản pháp lý liên quan được ban hành cập nhật khá đầy đủ, chặt chẽ. Môi trường kiểm soát về cơ bản tốt do được điều hành bởi các Ban quản lý dự án chuyên nghiệp với đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao và được trang bị hệ thống máy móc, phần mềm phục vụ công tác quản lý dự án. Hơn nữa, tại một số dự án được áp dụng nhiều công nghệ thi công mới, vật tư, trang thiết bị máy móc tiên tiến hiện đại mà lực lượng thanh tra, kiểm toán chưa có điều kiện tiếp cận để nắm bắt. Ngoài ra, số lượng văn bản quản lý về lĩnh vực này rất lớn và thường xuyên thay đổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ. Đây thực sự là những khó khăn và thách thức rất lớn đối với đội ngũ lực lượng thanh tra, kiểm toán trong quá trình thanh tra, kiểm toán.

Để nâng cao chất lượng và vai trò các cơ quan thanh tra và KTNN phải tăng cường đổi mới, đẩy mạnh cải cách hành chính,

ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; tăng cường thanh tra, kiểm toán hoạt động để đánh giá việc tuân thủ pháp luật, tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công theo quy định của pháp luật; gia tăng hiệu lực của các kết luận và kiến nghị kiểm toán; tiếp tục nâng cao năng lực cơ quan thanh tra và KTNN, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm, kỷ cương và kỷ luật của đội ngũ cán bộ, kiểm toán viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Bình (2011), *Nâng cao hiệu quả, hiệu lực thanh tra tài chính DABT xây dựng sử dụng vốn nhà nước ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Học viện Tài chính, Hà Nội
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2011), Công văn số 7356/BKHĐT-TH ngày 28/10/2011 về việc *Hướng dẫn thực hiện Chỉ thị của TTCP về tăng cường quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ*, Hà Nội
3. Võ Văn Căn (2014), *Nghiên cứu cơ chế kiểm tra, giám sát đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
4. Nguyễn Huy Chí (2016), *Quản lý nhà nước đối với đầu tư xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Học viện hành chính Quốc gia, Hà Nội
5. Chính phủ (2015), Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 về giám sát và đánh giá đầu tư, Hà Nội
6. Chính phủ (2020), Nghị định 01/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 84/2015/NĐ-CP về giám sát và đánh giá đầu tư, Hà Nội
7. Phạm Thị Anh Đào (2016), *Tổ chức và hoạt động thanh tra xây dựng ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội- Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội
8. Lê Đăng Hưng (2016), *Vai trò của Kiểm toán Nhà nước trong quản lý nợ công ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội
9. Nguyễn Liên Hương, Nguyễn Quốc Toàn (2015), *Một số vấn đề cơ bản trong hoạt động giám sát, dự án đầu tư xây dựng*, Tạp chí Kinh tế Xây dựng (ISSN 1859-4921), số 4/2015, trang 26-29
10. Nguyễn Hữu Khánh, Đinh Lâm Tấn (2021), *Chiến lược nợ công ở Việt Nam: Những vấn đề đặt ra cho giai đoạn 2021-2030*, Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội, số 6.2020
11. Hoàng Văn Lương (2012), *Thất thoát, lãng phí vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước và vấn đề đặt ra đối với Kiểm toán Nhà nước trong việc kiểm toán các dự án đầu tư*, Tạp chí Kiểm toán số 2/2011, Hà Nội
12. Quốc hội (2015), Luật Kiểm toán nhà nước được Quốc hội khóa 13, ban hành ngày 24/6/2015, Hà Nội
13. Quốc hội (2015), Luật Kế toán số 88/2015/QH13, ngày 20/11/2015, Hà Nội
14. Quốc hội (2015), Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015, Hà Nội
15. Quốc hội (2010), Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15/11/2010
16. Thanh tra Bộ Xây dựng (2018), *Báo cáo tổng kết công tác thanh tra ngành xây dựng năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019*, Hà Nội
17. Thanh tra Chính phủ (2015), *Tổng hợp kết quả thanh tra chuyên đề diện rộng về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ năm 2015*, Hà Nội
18. Thủ tướng Chính phủ (2013), Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 về *tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước, trái phiếu chính phủ*, Hà Nội
19. Thủ tướng Chính phủ (2001), Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 *ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 - 2015*, Hà Nội
20. Thủ tướng Chính phủ (2011), Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 về *tăng cường quản lý đầu tư từ vốn Ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ*, Hà Nội
21. Nguyễn Quốc Toàn (2019), *Hoàn thiện công tác giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội
22. Việt Nguyễn (2014), *Kết quả kiểm toán đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình: Liệu "đầu lại vào đấy?"*, Thời báo Kinh doanh, truy cập tại: <http://thoibaokinhdoanh.vn/441/news-detail/1329556/lang-kinh/ket-qua-kiem-toanduong-cao-toc-cau-gie-ninh-binh-lieu-dau-lai-vao-day-.html>,
23. World Bank (2013), *Báo cáo tham nhũng từ góc nhìn người dân, doanh nghiệp và cán bộ, công chức, viên chức*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.